

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: **50/2020/DS – ST**

Ngày: 24/11/2020

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Kim Sa Pha

Các hội thẩm nhân dân:

1./ Ông Nguyễn Văn Ngự

2./ Ông Nguyễn Văn Hùng

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Kim Thị Cẩm Hường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 58/2020/TLST – DS ngày 10/6/2020; Về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2020/QĐXXST – DS ngày 05 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2020/QĐST – DS ngày 28 tháng 10 năm 2020; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Địa chỉ: Số 40 – 42 – 44, đường P, Phường B, thành phố K, tỉnh Kiên Giang.

+Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tuấn A – Tổng giám đốc.

+Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trí D – Giám đốc chi nhánh tỉnh Sóc Trăng.

+ Ông Nguyễn Trí D ủy quyền lại cho ông Hứa Ngọc A – Phó phòng Khách hàng Cá Nhân (KHCCN), kiêm Phó Phòng KHDN, Ngân hàng Thương mại cổ phần A, chi nhánh tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ: Số 193 – 197, đường T, Phường X, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lý Hồng H, sinh năm 1974 và bà Phan Thị Ngọc L, sinh năm 1974. Cùng địa chỉ: ấp A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 4 năm 2020 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A (gọi tắt là Ngân hàng A), các chứng cứ có trong*

hồ sơ và tại phiên tòa ngày hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Trí D trình bày:

Vào ngày 06/12/2018 Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng với ông Lý Hồng H, bà Phan Thị Ngọc L có thỏa thuận, ký kết hợp đồng tín dụng từng lần số 687/18/HĐTD/2100 – 7516, có nội dung cụ thể: Ngân hàng A cho ông H, bà L vay số tiền 250.000.000 đồng, mục đích sửa chữa nhà ở, thời hạn cho vay 10 năm, lãi suất cho vay trong 03 tháng đầu là 12,8%/năm, sau đó sẽ điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất từ tháng thứ tư trở đi là: lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng của Ngân hàng A tại thời điểm công bố cộng thêm lãi suất 4,3%/năm, lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay x 150%, mức phạt chậm trả lãi: 10%/năm, hình thức thanh toán là trả gốc và lãi hàng tháng, lãi.

Để đảm bảo việc thanh toán số tiền vốn và lãi của hợp đồng tín dụng nêu trên, hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 678/18/HĐTC – BDS/2100 – 7516 ngày 06/12/2018, được công chứng tại Văn phòng công chứng Trần Văn Năm và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành cùng ngày 06/12/2018. Tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 237035 do ông Lý Hồng H đứng tên người sử dụng; Sổ vào sổ CH 03281 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 31/05/2017. Phần đất có diện tích 100m² tại thửa số 33, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp Trà Quýt A, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng và vay số tiền nêu trên thì ông H, bà L không thực hiện đúng nội dung hợp đồng tín dụng đã ký, vi phạm nghĩa vụ trả nợ vốn và lãi vay. Phía Ngân hàng A đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở và ông H, bà L nhiều lần cam kết nhưng không thực hiện trả nợ. Tạm tính đến ngày 01/4/2020 thì ông H, bà L còn nợ lại Ngân hàng số tiền vốn vay là 231.280.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 16.349.184 đồng, lãi quá hạn là 659.765 đồng, phạt chậm trả là 407.754 đồng. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện, ông H, bà L có trả được 09 kỳ tiền gốc và lãi, tính đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, còn nợ lại số tiền vốn vay là 208.400.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 7.738.872 đồng, lãi quá hạn là 154.017 đồng, phạt chậm trả là 86.427 đồng, tổng số tiền nợ là 216.379.316 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP A, yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc bị đơn ông H, bà L có nghĩa vụ thanh toán số tiền vốn, lãi và tiền phạt chậm thanh toán nêu trên còn nợ lại Ngân hàng, do đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng hai bên thỏa thuận, ký kết.

Trường hợp bị đơn ông H, bà L không thanh toán hoặc không có khả năng thanh toán số tiền còn nợ nêu trên, yêu cầu Tòa án xử lý phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên mà giữa hai bên đã thỏa thuận, ký kết để bảo đảm cho việc thu hồi vốn, lãi vay của Ngân hàng A.

** Theo biên bản hòa giải ngày 21/9/2020 tại Tòa án, các chứng cứ có trong hồ sơ bị đơn ông Lý Hồng H, bà Phan Thị Ngọc L đồng trình bày:*

Ông bà đồng ý với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A về thỏa thuận và nội dung hợp đồng tín dụng hai bên thỏa thuận

ký kết và thừa nhận còn nợ lại Ngân hàng số tiền vốn vay, lãi, tiền phạt chậm thanh toán tạm tính đến ngày 11/9/2020 tổng cộng là 243.140.749 đồng (Vốn vay là 222.960.000 đồng, lãi trong hạn là 18.630.997 đồng, lãi quá hạn là 971.987 đồng, tiền phạt chậm trả là 577.765 đồng). Tuy nhiên, do hiện nay hoàn cảnh kinh tế gia đình đang gặp khó khăn nên không có khả năng trả tiền vốn, lãi cho Ngân hàng đúng hạn. Do đó, đề nghị phía Ngân hàng A cho ông bà trả dần số tiền vốn và lãi vay.

**Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, quyền và nghĩa vụ của mình, cũng như chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và giấy triệu tập của Tòa án, còn bị đơn chưa chấp hành theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A đối với bị đơn ông Lý Hồng H, bà Phan Thị Ngọc L, buộc bị đơn ông H, bà L thanh toán số tiền vốn, lãi và tiền phạt chậm thanh toán còn nợ lại theo hợp đồng tín dụng mà giữa hai bên đã ký kết, trường hợp bị đơn không có khả năng thanh toán số tiền còn nợ thì xử lý phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản hai bên thỏa thuận, ký kết để đảm bảo việc thu hồi tiền vốn và lãi vay cho Ngân hàng A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bị đơn ông Lý Hồng H, bà Phan Thị Ngọc L. Xét thấy, bị đơn ông H, bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông H, bà L theo quy định.

[2] *Về quan hệ tranh chấp của vụ án:* Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là chưa chính xác, chưa đúng với bản chất tranh chấp của vụ án theo hợp đồng dân sự giữa hai bên thỏa thuận, ký kết. Nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về nội dung vụ án:*

Vào ngày 06/12/2018 Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng với ông Lý Hồng H, bà Phan Thị Ngọc L có thỏa thuận, ký kết hợp đồng tín dụng từng lần số 687/18/HĐTD/2100 – 7516, có nội dung cụ thể: Ngân hàng A cho ông H, bà L vay số tiền 250.000.000 đồng, mục đích sửa chữa nhà ở, thời hạn cho vay 10 năm, hình thức thanh toán là trả gốc và lãi hàng tháng. Để đảm bảo việc thanh toán số tiền vốn và lãi của hợp đồng tín dụng nêu trên, hai bên

thỏa thuận ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 678/18/HĐTC – BDS/2100 – 7516 ngày 06/12/2018. Tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 237035 do ông Lý Hồng H đứng tên người sử dụng; Sổ vào sổ CH 03281 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 31/05/2017. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên do phía ông H, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả vốn và lãi hàng tháng, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở nhiều lần nhưng ông H, bà L không thực hiện đầy nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP A khởi kiện. Từ đó, các bên phát sinh tranh chấp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Yêu cầu thanh toán số tiền vốn, lãi và tiền phạt chậm thanh toán của hợp đồng tín dụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án và cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Ngân hàng A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Lý Hồng H, bà Phan Thị Ngọc L thừa nhận nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thừa nhận còn nợ lại Ngân hàng A số tiền vốn, lãi và tiền phạt chậm thanh toán tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 216.379.316 đồng.

Tuy nhiên, ông H, bà L cho rằng do hoàn cảnh kinh tế gia đình hiện nay gặp nhiều khó khăn, không có khả năng thanh toán số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng, xin Ngân hàng xem xét cho chậm trả số tiền vốn, lãi vay. Căn cứ Hợp đồng tín dụng từng lần số 687/18/HĐTD/2100 – 7516 ngày 06/12/2018, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 07/12/2018, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 06/12/2018, văn bản đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 06/12/2018, Bản kê tính gốc và lãi của Ngân hàng A và các tài liệu chứng cứ khác của nguyên đơn cung cấp cho Tòa án có chữ ký của bị đơn ông H, bà L, được phía bị đơn thừa nhận các tài liệu chứng cứ của nguyên đơn cung cấp cho Tòa án để chứng minh yêu cầu khởi kiện. Xét thấy, đây là những tình tiết, sự kiện không pH chứng minh theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do bị đơn ông H, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay theo quy định Điều 3 của Hợp đồng tín dụng số 687/18/HĐTD/2100 – 7516 ngày 06/12/2018 và Khế ước nhận nợ ngày 07/12/2018 mà giữa hai bên thỏa thuận, ký kết, bên vay không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi định kỳ hàng tháng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A đối với bị đơn ông H, bà L yêu cầu thanh toán số tiền vốn, lãi và tiền phạt chậm thanh toán còn nợ lại theo hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng cộng số tiền 216.379.316 đồng là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Do bị đơn ông H, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã nhận định tại mục [4.1] và vi phạm khoản 1 Điều 10 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 06/12/2018 mà đã thỏa thuận, ký kết với Ngân hàng A, Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm được công chứng theo quy định của pháp luật dân sự và tài sản bảo đảm được đăng ký giao dịch bảo đảm với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định nên điều hợp pháp, có hiệu lực pháp lý của hợp đồng và bên nào vi phạm pH được thực hiện theo nội dung hợp đồng do hai bên thỏa thuận, ký

kết. Do đó, bị đơn ông H, bà L không thanh toán hoặc không có khả năng thanh toán số tiền vốn, lãi và tiền phạt chậm thanh toán nêu trên còn nợ lại Ngân hàng A theo Hợp đồng tín dụng số 687/18/HĐTD/2100 – 7516 ngày 06/12/2018 mà giữa hai bên thỏa thuận, ký kết thì phía nguyên đơn Ngân hàng A được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi số tiền vốn, lãi và tiền phạt chậm thanh toán theo thỏa thuận của hợp đồng thế chấp tài sản mà giữa hai bên thỏa thuận, ký kết.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A, yêu cầu Tòa án xem xét, xử lý tài sản thế chấp của bị đơn ông H, bà L cho phát mãi toàn bộ căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất có diện tích 100m² tại thửa số 33, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp Trà Quýt A, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 237035 do ông Lý Hồng H đứng tên người sử dụng; Sổ vào sổ CH 03281 được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 31/05/2017 là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn ông Lý Hồng H, bà Phan Thị Ngọc L pH chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định số tiền là 10.818.965 đồng. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A không pH chịu án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về chi phí thẩm định tài sản thế chấp: Số tiền là 550.000 đồng bị đơn ông Lý Hồng H, bà Phan Thị Ngọc L pH chịu do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 550.000 đồng, nên bị đơn ông H, bà L có nghĩa vụ nộp lại số tiền 550.000 đồng để hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP A chi nhánh Sóc Trăng làm đại diện nhận.

[7] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về kiểm sát việc chấp hành pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như quan điểm giải quyết vụ án là hoàn toàn có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Áp dụng: Khoản 2 Điều 292, Điều 293, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323, Điều 327, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1./ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A đối với bị đơn ông Lý Hồng H, bà Phan Thị Ngọc L, yêu cầu thanh toán tiền vốn, lãi vay, tiền phạt chậm trả, tổng số tiền là 216.379.316 đồng.

2./ Buộc ông Lý Hồng H, bà Phan Thị Ngọc L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tiền vốn, lãi vay, tiền phạt chậm trả (tính đến ngày xét xử sơ thẩm), tổng số tiền là 216.379.316 đồng (Hai trăm mười sáu triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn ba trăm mười sáu đồng).

Ngoài ra, kể từ ngày 25/11/2020, bị đơn ông Lý Hồng H, bà Phan Thị Ngọc L còn phải chịu tiền lãi suất chậm trả theo Hợp đồng tín dụng số 687/18/HĐTD/2100 – 7516 ngày 06/12/2018 mà giữa hai bên đã thỏa thuận, ký kết tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3./ Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật, bị đơn ông Lý Hồng H, bà Phan Thị Ngọc L không thanh toán số tiền nợ nêu trên thì nguyên đơn Ngân hàng TMCP A được quyền yêu cầu cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp bảo đảm cho việc thanh toán của Hợp đồng tín dụng số 687/18/HĐTD/2100 – 7516 ngày 06/12/2018, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 06/12/2018. Tài sản thế chấp là: Toàn bộ căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất có diện tích 100m² tại thửa số 33, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp Trà Quýt A, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 237035 do ông Lý Hồng H đứng tên người sử dụng; Sổ vào sổ CH 03281 được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 31/05/2017. (Căn nhà cấp 3, xây dựng 01 trệt, 01 lầu, có diện tích xây dựng 93,1m², diện tích sàn 192,1m², kết cấu: BTCT, vách tường 10, nền gạch men, trần thạch cao, cửa sắt). *(Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06/11/2018 và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng).*

4./ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Lý Hồng H, bà Phan Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 10.818.965 đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần A được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005137 ngày 02 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

5./ *Về chi phí thẩm định tài sản thế chấp:* Số tiền là 550.000 đồng bị đơn ông Lý Hồng H, bà Phan Thị Ngọc L phải chịu. Do nguyên đơn Ngân hàng A đã nộp tạm ứng số tiền 550.000 đồng, nên bị đơn ông H, bà L có nghĩa vụ nộp lại số tiền 550.000 đồng để hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP A, chi nhánh Sóc Trăng làm đại diện nhận.

6./ Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm. Đối với bị đơn ông Lý Hồng H, bà

Phan Thị Ngọc L vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

7./ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha